

BÁO CÁO
Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
06 tháng đầu năm; nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021

Thực hiện Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021, UBND thị xã Đức Phố báo cáo kết quả như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thị xã.

Thực hiện quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương Đảng, Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND thị xã đã chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị và UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch quán triệt, tuyên truyền về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn mình quản lý nhằm nâng cao nhận thức trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Trong các cuộc họp giao ban hàng quý, họp thường kỳ hàng tháng, Chủ tịch UBND thị xã luôn lồng ghép, quán triệt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND các xã, phường.

Mặt khác, Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã, Trung tâm Truyền thông – Văn hoá – Thể thao thị xã là các cơ quan được UBND thị xã giao nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên phương tiện thông tin đại chúng để toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân biết, thực hiện.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP và việc THPTK, CLP của UBND thị xã.

Căn cứ Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2021 tại Quyết định số 2276/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021, UBND thị xã Đức Phố đã xây dựng Chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021, trong đó yêu cầu các phòng, ban, đơn vị và UBND các xã, phường chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 phù hợp với

tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Nhìn chung, trong 6 tháng đầu năm 2021 các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đầy đủ các quy định của Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí; nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương đề ra những giải pháp cần thực hiện ngay trong 6 tháng đầu năm để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm như cắt giảm tối đa các khoản chi không cần thiết, tiết kiệm văn phòng phẩm, điện, nước, công tác phí.... Từng bước nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân có hành vi lãng phí.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện đầy đủ các quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách và Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Phát huy vai trò làm chủ của cán bộ, công chức trong việc phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng và giám sát thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí; phát huy quyền làm chủ của công chức, viên chức trong việc giám sát, kiểm tra quá trình chấp hành Quy chế dân chủ cơ sở của cơ quan, đơn vị.

Trong 6 tháng đầu năm chưa phát hiện cơ quan, đơn vị nào vi phạm gây thất thoát, lãng phí tiền, tài sản thuộc ngân sách nhà nước.

II. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2021 trong các lĩnh vực:

1. Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của Ngân sách nhà nước.

Trên cơ sở các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định của Trung ương và Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2021. UBND thị xã đã ban hành Quyết định giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2021 cho các địa phương, đơn vị tại Quyết định số 3773/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 và triển khai thực hiện dự toán chi ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách. UBND thị xã đã chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị và UBND các xã, phường tổ chức triển khai điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao, đảm bảo nguồn để đáp ứng các nhiệm vụ chi thường xuyên cho bộ máy quản lý nhất là chi cho con người, các chế độ cho đối tượng chính sách và đối tượng bảo trợ xã hội. Đa số các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy định sử dụng kinh phí thường xuyên cho các khoản mục về chế độ công tác phí, hội nghị, văn phòng phẩm, điện nước, nhiên liệu, máy vi tính, máy phô tô... làm thước đo để thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

*** Kết quả thực hiện tiết kiệm dự toán trong 6 tháng đầu năm 2021 như sau:**

Tiết kiệm ngay từ khâu phân bổ dự toán giao đầu năm với tổng số tiền là 8.213 triệu đồng. Trong đó: Số tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên của các phòng ban, đơn vị cấp thị xã: 7.120 triệu đồng và của UBND các xã, phường là 1.093 triệu đồng.

Thực hiện Tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ với tổng số tiền là 4.032 triệu đồng; Trong đó: Số tiền cắt giảm 50% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước còn lại của năm 2021: 1.428 triệu đồng, số tiền tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên còn lại năm 2021: 2.604 triệu đồng.

Việc tổ chức hội họp của các ngành, UBND các xã, phường đã phát huy theo hướng giảm các cuộc họp không cần thiết, từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả cuộc họp, tổ chức hội nghị trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ Ngân sách nhà nước.

Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; triển khai có hiệu quả Kế hoạch đầu tư công năm 2021. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thông qua việc tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát đối với tất cả các khâu trong quá trình đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch trong đấu thầu, tăng cường đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh, hạn chế tối đa việc chỉ định thầu các dự án đầu tư;

Tập trung, ưu tiên bố trí vốn xây dựng cơ bản cho các công trình, dự án cần thiết, cấp bách và có hiệu quả đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Không bố trí vốn xây dựng cơ bản dàn trải, các công trình chưa thực sự cần thiết, cấp bách, không phê duyệt các công trình dự án không đủ nguồn kinh phí thực hiện, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Trong đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm 2021 thực hiện tiết kiệm từ công tác tổ chức đấu thầu tiết kiệm 4.954 triệu đồng so với kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt.

Trong công tác quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản: Trong 6 tháng đầu năm 2021 đã thẩm định và phê duyệt 24 công trình, tổng giá trị quyết toán được duyệt: 58.596 triệu đồng, giảm 101 triệu đồng so với số liệu quyết toán chủ đầu tư trình thẩm định.

3. Trong quản lý chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn mục tiêu khác

Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, tỉnh về ngân sách thị xã cũng như nguồn kinh phí cải cách tiền lương đúng quy định.

4. Trong quản lý, sử dụng tài sản công.

Tiếp tục triển khai đồng bộ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công

và khai thác hợp lý nguồn lực từ tài sản công theo Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện mua sắm tài sản đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên

Công tác quản lý và sử dụng đất đai theo Luật Đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật đã từng bước được hoàn thiện, đáp ứng được yêu cầu quản lý và sử dụng đất trên địa bàn thị xã, từng bước đưa công tác quản lý nhà nước về đất đai đi vào kỷ cương, nề nếp, phục vụ hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã.

Công tác quản lý khai thác khoáng sản được quan tâm, từng bước ngăn chặn tình trạng khai thác trái phép.

6. Trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động.

- Thực hiện quản lý chặt chẽ thời gian lao động, đảm bảo hiệu quả công việc của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và thực hiện nghiêm Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính của tỉnh Quảng Ngãi.

- Tiếp tục triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “Một cửa hiện đại” tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế 1 cửa nhằm giải quyết nhanh, gọn, đúng pháp luật, tránh phiền hà, những nhiễu góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại cho tổ chức, cá nhân.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được.

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn thị xã luôn được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo; Công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện các biện pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được quan tâm.

Thực hiện tốt các quy định về công khai tài chính tại các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách thị xã, từ khâu phân bổ dự toán đến khâu quyết toán ngân sách nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Việc triển khai Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại một số đơn vị trên địa bàn thị xã vẫn còn chậm, chưa đạt yêu cầu, chưa cụ thể hóa các văn bản liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí trong các chương trình công tác hàng năm. Công tác báo cáo còn chậm so với thời gian quy định. Nội dung báo cáo chưa chất lượng, chỉ phản ánh được việc quản lý và sử dụng ngân sách Nhà nước được giao hàng năm, chưa thể hiện rõ những nội dung đã thực hiện tiết

kiệm, chống lãng phí theo quy định tại Phụ lục số 02 của Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính.

IV. Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021.

1. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để từng bước nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, chính quyền các cấp trong công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Công khai, minh bạch việc sử dụng NSNN để tạo điều kiện cho công tác thanh tra, kiểm tra; nâng cao hiệu quả giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xử lý nghiêm vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và công khai kết quả theo đúng quy định.

4. Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra theo chương trình, kế hoạch nhằm phát hiện và xử lý nghiêm các vụ việc lãng phí. Tập trung thanh tra một số lĩnh vực như: Quản lý đất đai, khoáng sản, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý thu chi tài chính và những công trình dự án mà dư luận quan tâm, có dấu hiệu tiêu cực, lãng phí.

5. Phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các cơ quan thông tin đại chúng trong việc phát hiện, đưa tin phê phán các hành vi gây lãng phí, biểu dương những gương tốt trong THPT, CLP, đề xuất hình thức khen thưởng xứng đáng.

Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ kính báo cáo *./.*

Nơi nhận: *lg*

- TT Thị ủy;
- TT HĐND thị xã;
- Đại biểu HDND thị xã;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Minh Tâm

Phụ lục số 01

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2021

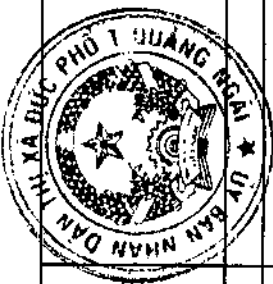
(Kèm theo) Báo cáo số 246/BC-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả 6 tháng đầu năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	11.816,9	12.245,0	12.245,0	104	100	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							



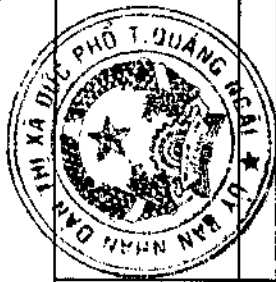
STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả 6 tháng đầu năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm: <i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i> <i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i> <i>Tiết kiệm sử dụng điện</i> <i>Tiết kiệm xăng, dầu</i> <i>Tiết kiệm nước sạch</i> <i>Tiết kiệm công tác phí</i> <i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i> <i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i> <i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	3 triệu đồng triệu đồng triệu đồng triệu đồng triệu đồng triệu đồng triệu đồng triệu đồng triệu đồng	794,7 160,6 120,6 81,3 58,5 23,6 100,1 106,4 53,1 90,6	919,7 170,6 120,6 81,3 68,5 23,6 125,1 136,4 83,1 110,6	499,9 85,3 60,3 40,7 34,3 11,8 72,6 88,2 51,6 55,3	62,9 53,1 50,0 50,0 58,5 50,0 72,5 82,9 97,0 61,0	54,3 50,0 50,0 50,0 50,0 50,0 58,0 64,7 62,0 50,0	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm: <i>Thâm định, phê duyệt dự toán</i> <i>Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i> <i>Thương thảo hợp đồng</i> <i>Các nội dung khác</i>	triệu đồng triệu đồng triệu đồng triệu đồng						
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả 6 tháng đầu năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện biển có đầu kỳ	chiếc	7,0	7,0	7,0	100,0	100	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc		1,0	1,0			
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc		1,0	1,0			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc		1,0	1,0			
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm: - Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán - Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, ... - Thực hiện đầu tư, thi công - Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng triệu đồng triệu đồng triệu đồng	13.769,0	5.650,0	5.055,0	41,0	89,47	
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng	118,0	150,0	101,0	85,6	67,3	
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, huỷ bỏ							
	Số lượng	dự án						



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả 6 tháng đầu năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2 Giá trị đầu tư phải thanh toán	3 triệu đồng	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	92.915,3	92.915,3	92.915,3	100,0	100,00	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả 6 tháng đầu năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
I	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	Tiết kiệm điện	Kw/h						
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tân (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	Thảm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả 6 tháng đầu năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2 Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	3 triệu đồng	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn	dự án						
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật							
	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN	triệu đồng						
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng						
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
4	Mua sắm tài sản, phương tiện	chiếc						
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con	chiếc						
	Số lượng xe đầu kỳ							
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)							
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THTK, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả 6 tháng đầu năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						